TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-PT
Ngày 07 - 11 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2025/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"*.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 78a/2025/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – C) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lâm Thành T, sinh ngày 06/02/1997 (Có mặt).

Căn cước công dân số: 095097006051, cấp ngày 25/4/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Ấp P, xã V, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ trước đây: Ấp P, xã P1, huyện P2, tỉnh Bạc Liêu).

Người đại diện theo ủy quyền về phần tài sản cho anh T: Ông Lư Trường L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ trước đây: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh B) (Chấm dứt ủy quyền tháng 11/2025).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Khánh D, Luật sư của Công ty Luật Đ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lê Diễm H, sinh ngày 15/12/1996 (Có mặt).

Căn cước công dân số: 095196006885, cấp ngày 14/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ trước đây: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lâm Thành L, sinh năm 1968 và bà Trần Thị N, sinh năm 1968 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã V, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ trước đây: Ấp P, xã P1, huyện P2, tỉnh Bạc Liêu).

2. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 (Ông Điều có mặt, bà Tươi có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ trước đây: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Lê Diễm H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và các lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lâm Thành T và bị đơn chị Lê Diễm H thống nhất trình bày:

- *Về hôn nhân:* Năm 2022, anh Lâm Thành T và chị Lê Diễm H chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú Tây, huyện P, tỉnh B (Nay là xã Vĩnh Phước, tỉnh Cà Mau) theo quy định pháp luật vào ngày 16/6/2023. Anh Tvà chị H đều xác định vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 3/2024, Anh Tyêu cầu ly hôn, chị H cũng đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, Anh Tvà chị H có 01 người con chung là cháu Lâm Tuyết Nghi, sinh ngày 02/7/2023, hiện nay cháu Nghi đang sống với chị H. Khi ly hôn do con chung vẫn còn nhỏ nên Anh Tđồng ý để chị H tiếp tục nuôi con, đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung và nợ chung:*

+ Về tài sản chung:

Theo nguyên đơn anh Lâm Thành T và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lâm Thành T là ông Lư Trường L trình bày:

Khi tổ chức hôn lễ, vợ chồng anh Trí, chị H được gia đình 02 bên gia đình tặng cho 60 chỉ vàng 24k và 30 chỉ vàng 18k, cụ thể: Gia đình Anh Tcho 45 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k (gồm 01 dây chuyền trọng lượng 21 chỉ vàng 24k, 01 tấm lắc trọng lượng 20 chỉ vàng 24k, 04 nhẫn trơn trọng lượng 04 chỉ 24k; 01 tấm

lắc trọng lượng 10 chỉ vàng 18k). Gia đình chị H cho 15 chỉ vàng 24k và 20 chỉ vàng 18k (gồm 02 chiếc kiềng trọng lượng 10 chỉ vàng 24k, 01 nhẫn trơn trọng lượng 05 chỉ vàng 24k; 01 dây chuyền 10 chỉ 18k và 01 tấm lắc 10 chỉ 18k). Số tài sản được tặng cho là tài sản chung của vợ chồng do chị H trực tiếp quản lý.

Đến tháng 4/2023, vợ chồng đã bán 07 lượng vàng (gồm 06 lượng vàng 24k và 01 lượng vàng 18k) lấy tiền gửi ngân hàng để lấy lãi. Mẹ ruột Anh Tvà mẹ ruột chị H trực tiếp đem vàng bán tại tiệm vàng Hiến tại ấp Nội Ô, thị trấn Phước Long số tiền 364.000.000 đồng. Do Anh Tà cán bộ quân đội nên không tiện đứng tên gửi tiền ngân hàng, do đó, thống nhất chị H đứng tên gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng Nam Á tại huyện Phước Long với kỳ hạn 06 tháng, khi qua Ngân hàng gửi tiền có cha mẹ hai bên cùng đi. Từ khi gửi đến nay, chị H không có thông báo cho Anh Tvề việc sử dụng số tiền gửi này.

Như vậy, tài sản chung của vợ chồng đến tháng 4/2023 là số tiền 364.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 18k (gồm 01 lắc 10 chỉ và 01 dây chuyền 10 chỉ do chị H đeo trên người), ngoài ra, còn có 01 xe SH chị H được tặng cho trong ngày cưới và chị H là người trực tiếp sử dụng xe.

Đến tháng 9/2023, hai bên gia đình cho tiền vợ chồng để mua cho Anh Txe gắn máy để đi làm. Vợ chồng anh Trí, chị H đến cửa hàng YAMAHA Văn Tươi mua xe EXCITER loại 155cm3 thì giá niêm yết là 53.000.000 đồng, tuy nhiên, cửa hàng giảm 5.000.000 đồng do Lễ 2/9, nên giá còn lại là 48.000.000 đồng. Cha mẹ chị H và cha mẹ Anh Tmỗi bên cho 24.000.000 đồng mua xe. Do Anh Tcông tác bên quân đội nên không có thời gian đi đăng ký xe và bấm biển số nên anh thống nhất xe do chị H đứng tên chủ xe với biển số 94H1-021.57 vào ngày 20/9/2023. Mẹ ruột Anh Tcho thêm 1.000.000 đồng để anh gắn phụ tùng thêm trên xe. Anh Tquản lý, sử dụng xe từ ngày mua đến nay. Anh Tđồng ý chia xe 94H1-021.57 theo yêu cầu của chị H, anh có nguyện vọng nhận 50% giá trị xe và đồng ý giao xe cho chị H.

Tại đơn khởi kiện bổ sung về tài sản ngày 25/10/2024 (BL 25), Anh Tyêu cầu chia đôi tài sản chung là 60 chỉ vàng 24k và 30 chỉ vàng 18k. Do đã bán vàng lấy tiền gửi ngân hàng nên Anh Tyêu cầu chia đôi số tiền 364.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 18k. Anh Tkhông yêu cầu giải quyết đối với 01 xe SH mà cha mẹ vợ tuyên bố cho vợ chồng.

Theo bị đơn chị Lê Diễm H trình bày:

Chị H không đồng ý với yêu cầu của anh Lâm Thành Tvề việc chia tài sản chung gồm 60 chỉ vàng 24k, 30 chỉ vàng 18k và chiếc xe Exciter mang biển kiểm soát 94H1-021.57 bởi các căn cứ sau:

Căn cứ thứ nhất: Thời điểm ngày 02/07/2022 vợ chồng tổ chức đám hỏi tại nhà gái, khi làm lễ xong được cho tổng cộng số vàng là 05 lượng 01 chỉ vàng 18K, không phải theo như lời Anh Ttrình bày với Tòa án nhân dân huyện Phước Long là 60 chỉ vàng 24K và 30 chỉ vàng 18K.

Căn cứ thứ hai: Sau khi hai vợ chồng về chung sống với nhau, ngày 02/07/2023 chị H có sinh được cháu Lâm Tuyết Nghi, chị H cho rằng trong suốt quá trình chị mang thai cho đến khi cháu Nghi được sinh ra và lớn lên tới thời điểm hiện tại, Anh Tkhông hỏi han, chăm sóc, nuôi dưỡng, lo lắng cho vợ, cho con. Vì đang trong quá trình nuôi con nhỏ, không tạo ra được thu nhập nên chị buộc phải bán số vàng với khối lượng 05 lượng 01 chỉ vàng 18K để có chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc cho con chung. Bên cạnh đó, trong khoảng thời gian chung sống vợ chồng, chị và Anh Tcũng đã tiêu xài hết số tiền vàng mà cha mẹ chị cho chị khi về nhà chồng

Căn cứ thứ ba: Đối với tài sản là chiếc xe Exciter mang biển kiểm soát 94H1-021.57 là tài sản cha mẹ ruột chị H mua cho chị, tặng cho chị trước thời điểm chị và Anh Tđăng ký kết hôn vào ngày 16/06/2023, nên đây không được xác định là tài sản chung giữa chị và anh Trí.

+ Về nợ chung: Anh Tvà chị H thống nhất anh chị không có nợ chung nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lâm Thành L, bà Nguyễn Thị Nga trình bày:

Ông Lợi, bà Nga là cha mẹ ruột của anh Lâm Thành Trí. Năm 2022, ông bà và cha mẹ ruột của chị Lê Diễm H là ông Lê Văn Điều, bà Nguyễn Thị Tươi thống nhất tổ chức hôn lễ cho Anh Tvà chị H.

Ngày tổ chức lễ hỏi, ông bà cho 02 con 42 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k (gồm 01 dây chuyền trọng lượng 20 chỉ vàng 24k và mặt dây chuyền 01 chỉ vàng 24k, 01 tấm lắc trọng lượng 20 chỉ vàng 24k, 01 nhẫn trơn trọng lượng 01 chỉ 24k; 01 tấm lắc trọng lượng 10 chỉ vàng 18k). Khi chào hỏi thân tộc thì chị 2, anh 2 và cô 10 của Trí cho mỗi người 01 chỉ vàng 24k, tổng là 03 chỉ vàng 24k. Ngày tổ chức đám cưới: Cha mẹ chị H tuyên bố cho 02 con 35 chỉ vàng (gồm 02 chiếc kiềng, mỗi chiếc 05 chỉ vàng 24k, 01 nhẫn trơn 05 chỉ vàng 24k, 01 tấm lắc 10 chỉ vàng 18k và 01 dây chuyền 10 chỉ vàng 18k). Đồng thời ông Điều còn tuyên bố cho 02 con 01 xe SH. Như vậy, khi tổ chức hôn lễ anh Trí, chị H được tặng cho tất cả là 60 chỉ vàng 24k, 30 chỉ vàng 18k, 01 xe SH do chị H sử dụng.

Đến ngày 28/4/2023, ông bà và vợ chồng ông Điều, bà Tươi, cùng chị H, Anh Tthống nhất bán 60 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k để lấy tiền cho chị H, Anh Tgửi tiết kiệm ngân hàng. Cả 06 người cùng đi bán 60 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k được hơn 364.000.000đ, nhưng nói là gửi 364.000.000đ còn lại mấy trăm ngàn tiền lẽ để Hương chi xài. Sau đó, tất cả cùng đến Ngân hàng Nam Á tại huyện Phước Long gửi số tiền tiết kiệm 364.000.000đ do chị H đứng tên người gửi. Từ đó đến nay, ông bà không nghe Hương nói gì về số tiền này, cứ nghĩ là vẫn còn gửi tiền tại Ngân hàng.

Đầu tháng 9/2023, thông gia 02 bên thống nhất hùn tiền mua cho Trí 01 chiếc xe để đi làm. Do đó, bà Nga và bà Tươi trực tiếp đến cửa hàng YAMAHA

Văn Tươi tại thị trấn Phước Long mua xe EXCITER loại 155cm^3 giá niêm yết là 53.000.000 đồng, tuy nhiên, cửa hàng giảm 5.000.000 đồng do lễ 2/9, nên giá còn lại là 48.000.000 đồng. Bà Tươi đưa cho bà Nga 24.000.000đ, sau đó bà Nga trả cho cửa hàng 48.000.000đ. Xe do chị H đứng tên đăng ký xe, sau khi đăng ký bà Nga cho Anh Tthêm 1.000.000đ để gắn thêm phụ tùng xe.

Ông bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu độc lập, cũng như không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác trong vụ án này.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị T trình bày tại phiên tòa sơ thẩm: Khi chị H lấy chồng, ông bà có cho riêng chị H 35 chỉ vàng 18K; đối với tiền mua xe mua xe EXCITER là do vợ chồng ông bà bỏ tiền ra mua cho chị H. Ông bà không có yêu cầu độc lập, cũng như không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác trong vụ án này.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 78a/2025/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – C) đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lâm Thành T ly hôn với chị Lê Diễm H.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Tuyết Nghi, sinh ngày 02/7/2023 cho chị Lê Diễm H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nghi tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn anh Lâm Thành T có, quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Buộc anh Lâm Thành T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng từ ngày 07/5/2025 cho đến khi cháu Nghi tròn 18 tuổi.

4. *Về tài sản chung*:

4.1. Chia cho anh Lâm Thành T được nhận 162.300.000 đồng và 01 xe máy Yamaha, nhãn hiệu Exciter, biển số 94H1-021.57, số khung RLCUG121PY115785, số máy G3M5E252143.

- Hiện tại số tiền 162.300.000 đồng chị Lê Diễm H đang quản lý, sử dụng nên buộc chị Lê Diễm H giao lại số tiền 162.300.000 đồng cho anh T;

- Đối với chiếc 01 xe máy Yamaha, nhãn hiệu Exciter, biển số 94H1-021.57, số khung RLCUG121PY115785, số máy G3M5E252143 do chị Lê Diễm H đang đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe ngày 20/9/2023 hiện nay anh T đang sử dụng nên tiếp tục giao cho anh T sử dụng. Anh Lâm Thành T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

4.2. Chia cho chị Lê Diễm H số tiền 181.900.000 đồng. Hiện nay số tiền trên chị H đang quản lý nên tiếp tục giao cho chị H được quản lý, sử dụng.

5. Không chấp nhận yêu cầu chia 20 chỉ vàng 18K và số tiền 39.400.000 đồng của anh Lâm Thành T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 19/6/2025 bị đơn chị H kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 289, Điều 312 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Diễm H về việc yêu cầu chia chiếc xe Yamaha hiệu Exciter; chấp nhận một phần kháng cáo của chị H về việc phân chia tài sản, sửa 01 phần Bản án hôn nhân và gia đình số 78a/2025/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn anh Lâm Thành T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn với chị Lê Diễm H, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ. Xét đơn kháng cáo của bị đơn chị Lê Diễm H nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung: Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 78a/2025/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – C đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Tđối với chị H, cho anh Lâm Thành T ly hôn với chị Lê Diễm H. Xét thấy, anh Trí, chị H không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với nội dung này nên nội dung này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật nên cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình có quy định: *"Trường*

hợp trước khi mở phiên tòa, các bên đương sự tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung và tài sản chung mà Tòa án xét xử và ra bản án sơ thẩm thì các bên đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên chịu 25% mức án phí quy định); về quan hệ tài sản thì mức án phí mỗi bên phải chịu tương ứng với giá trị tài sản mà mỗi bên được chia theo quy định của pháp luật về án phí". Do đó, cấp sơ thẩm buộc Anh Tchịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu xin ly hôn là chưa đúng, cần sửa 1 phần bản án sơ thẩm về án phí đối với yêu cầu ly hôn, buộc Anh Tvà chị H mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí đối với yêu cầu xin ly hôn là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con: anh Trí, chị H không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với nội dung này nên nội dung này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn chị H yêu cầu sửa án sơ thẩm về tài sản chung theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung vợ chồng:

[4.1] Chị H kháng cáo cho rằng Tòa án không công tâm vì theo chị H vào ngày 29/4/2025 Tòa án xét xử có các bên tham gia đầy đủ, tòa tuyên tạm hoãn và sẽ thông báo sau nhưng chị và gia đình chị không nhận được thông báo gì của Tòa án nên ngày 07/5/2025 Tòa tuyên án vắng mặt chị. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vào ngày 29/4/2025 đúng như chị H trình bày. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thông báo sẽ tuyên án vào lúc *08 giờ 00 phút, ngày 07/5/2025* (Biên bản phiên tòa - BL 124), thực tế Tòa án đã tuyên án đúng ngày giờ đã thông báo. Do đó, chị H là người tham gia tố tụng vắng mặt vào ngày, giờ và địa điểm đã được thông báo thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc tuyên án là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, việc chị H xác định Tòa án không thông báo, không công tâm là không phù hợp.

[4.2] Xét nội dung kháng cáo đối với chiếc xe Yamaha hiệu Exciter biển số 94H1-021.57: Đủ căn cứ chứng minh chiếc xe Yamaha hiệu Exciter biển số 94H1-021.57 do gia đình 02 bên cùng mua cho Anh Tsử dụng, tài sản hình thành trong thời gian hôn nhân hợp pháp nên cấp sơ thẩm đã xác định chiếc xe Yamaha hiệu Exciter là tài sản chung của vợ chồng chị H, Anh Tlà có căn cứ, cấp sơ thẩm xác định giá trị còn lại của chiếc xe và chia đôi giá trị chiếc xe cho chị H, Anh Tlà phù hợp quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo đối với chiếc xe Yamaha hiệu Exciter biển số 94H1-021.57, thống nhất như án sơ thẩm đã tuyên. Xét thấy, việc rút yêu cầu kháng cáo của chị H đối với yêu cầu chia tài sản chung đối với chiếc xe Exciter biển số 94H1-021.57 là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận việc rút kháng cáo, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu chia chiếc xe Yamaha hiệu Exciter biển số 94H1-021.57.

Đối với chiếc xe SH chị H đang quản lý, do Anh Tkhông đặt ra yêu cầu phân chia chiếc xe SH, Bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết đối với chiếc xe SH là phù hợp.

[4.3] Xét kháng cáo của chị H đối với số tiền 32.300.000đ do Anh Tchuyển khoản cho chị H trong thời gian ly thân từ ngày 05/7/2023 đến ngày 18/5/2024: Xét thấy, căn cứ Bản sao kê do Anh Tgiao nộp tại Tòa án (BL 105-121), đủ căn cứ xác định Anh Tgửi cho chị H tổng số tiền từ ngày 05/7/2023 đến ngày 18/5/2024 là 32.300.000 đồng đúng như ý kiến trình bày của anh Trí. Anh Tcho rằng anh chuyển số tiền trên để chị H nuôi dưỡng cháu Nghi, tuy nhiên, chị H không thừa nhận đây là tiền Anh Tgửi nuôi con, chị H còn cho rằng cấp sơ thẩm không đối trừ số tiền chị H gửi cho Anh Tnhiều lần thể hiện tại Bản sao kê Anh Tđã nộp cho Tòa án.

Sau khi xem xét, đối chiếu số liệu tiền gửi theo Bản sao kê do Anh Tgiao nộp cho Tòa án (BL 105-121), đủ căn cứ xác định từ ngày 06/7/2023 đến ngày 28/10/2023 chị H đã chuyển cho Anh Ttổng số tiền 21.600.000 đồng. Án sơ thẩm chỉ chấp nhận số tiền chị H giao trả cho Anh T6.000.000 đồng theo sự thừa nhận của anh Trí, không xem xét đối trừ số tiền 21.600.000 đồng chị H đã chuyển cho Anh Tđã ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của chị H. Tại phiên tòa phúc thẩm, Anh Ttự nguyện đối trừ số tiền chị H đã chuyển trả cho Anh Ttheo Bản sao kê. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của chị H, đối trừ số tiền chị H đã chuyển lại cho Anh Tnên số tiền Anh Tcó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nghi trong khoảng thời gian từ 02/7/2023 đến ngày 07/5/2025 (Ngày tuyên án sơ thẩm) được tính như sau: Số tiền Anh Tphải đóng góp để nuôi dưỡng nuôi cháu Nghi trong khoảng thời gian từ 02/7/2023 đến ngày 07/5/2025 là 3.000.000đ/01 tháng x 22 tháng 05 ngày (665 ngày) = 66.500.000đ, Anh Tđã chuyển cho chị H 32.300.000đ và chị H đã chuyển trả 21.600.000đ nên được đối trừ, do đó, Anh Tphải tiếp tục giao cho chị H số tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nghi trong khoảng thời gian từ 02/7/2023 đến ngày 07/5/2025 là: 66.500.000đ – 10.700.000đ = 55.800.000đ.

[4.4] Xét kháng cáo của chị H về việc không đồng ý chia tài sản chung vợ chồng đối với số tiền gửi tiết kiệm 364.000.000 đồng, chị H xác định số tiền này chị và Anh Tđã chi xài và dùng vào chi phí sinh con, trị bệnh cho con hết, nhận thấy: Chị H kháng cáo và giao nộp các chứng cứ kèm theo đơn kháng cáo gồm các hóa đơn nằm viện của chị H từ ngày 21/01/2024 đến ngày 30/01/2024 số tiền 4.108.000đ; hóa đơn nằm viện của cháu Nghi từ ngày 18/8/2023 đến ngày 23/8/2023 số tiền 2.681.159đ; hóa đơn chích ngừa cho cháu Nghi từ 9/2023 đến tháng 5/2025 tổng số tiền 15.641.160đ; hóa đơn nằm viện khi sinh cháu Nghi từ ngày 02/7/2023 đến ngày 07/7/2023 số tiền 16.952.942đ.

Xét thấy, đối với chi phí nằm viện 4.108.000đ của chị H từ ngày 21/01/2024 đến ngày 30/01/2024 được bác sĩ chẩn đoán là ngộ độc thuốc trừ sâu… Do đó, đây

không phải là chi phí hợp lý trong cuộc sống hôn nhân, không có căn cứ chấp nhận khoản chi phí này.

Đối với chi phí sinh con từ ngày 02/7/2023 đến ngày 07/7/2023, chị H xác định tại phiên tòa sơ thẩm (BL 126) và tại phiên tòa phúc thẩm mẹ chồng là người đã chi trả các chi phí sinh con nên không có căn cứ chấp nhận Anh Tvà chị H có phát sinh chi phí này.

Đối với chi phí nằm viện của cháu Nghi từ ngày 18/8/2023 đến ngày 23/8/2023 và chi phí chích ngừa cho cháu Nghi từ 9/2023 đến tháng 5/2025, tổng số tiền là 18.322.319 đồng. Xét thấy, trong khoản thời gian này chị H và Anh Tđã ly thân, việc điều trị và chích ngừa cho con chung là có xảy ra trên thực tế, thuộc trách nhiệm của cả cha và mẹ nên cần đối trừ số tiền chi phí cho cháu Nghi vào số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Nam Á – Chi nhánh Bạc Liêu – Phòng giao dịch Phước Long (364.000.000 đồng - 18.322.319 đồng), do đó, số tiền thuộc tài sản chung vợ chồng còn lại là 345.677.681 đồng.

Chị H xác định đã chi xài hết số tiền chung 364.000.000 đồng nhưng chị H chỉ cung cấp được chứng cứ hợp lý, có cơ sở chấp nhận với tổng số tiền là 18.322.319 đồng, số tiền còn lại chị H không cung cấp được chứng cứ chứng minh và Anh Tkhông thừa nhận vì Anh Txác định chị H chi xài không có thông qua và được sự đồng ý của anh Trí. Do đó, đủ căn cứ chấp nhận 01 phần kháng cáo của chị H, chia đôi số tiền tài sản chung vợ chồng còn lại 345.677.681 đồng, mỗi người được hưởng số tiền 172.838.840 đồng.

[5] Chị H đang quản lý toàn bộ số tiền 345.677.681 đồng nên chị H có nghĩa vụ giao trả cho Anh T172.838.840 đồng, đối trừ số tiền Anh Tcó nghĩa vụ đóng góp để nuôi cháu Nghi trong khoảng thời gian từ 02/7/2023 đến ngày 07/5/2025 là 55.800.000 đồng nên chị H chỉ phải giao cho Anh T117.038.840 đồng và Anh Tđược quản lý chiếc xe Exciter nên phải trả ½ giá trị chiếc xe cho chị H là 19.600.000 đồng, do đó, buộc chị H phải giao cho Anh Ttổng số tiền là 97.438.840 đồng là phù hợp.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 78a/2025/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – C về việc chia tài sản chung là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, như đã nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.

[8] Về án phí:

[8.1] Án phí sơ thẩm về chia tài sản chung: Do chấp nhận 01 phần kháng cáo của chị H liên quan đến tài sản chung, nên tài sản của Anh Tvà chị H được phân chia khi ly hôn có thay đổi so với án sơ thẩm, anh Trí, chị H phải chịu án phí sơ

thẩm có giá ngạch trên số tiền mỗi người được hưởng (172.838.840 đồng). Như vậy, anh Trí, chị H mỗi người phải chịu án phí chia tài sản chung là 8.641.942 đồng.

[8.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Chị H kháng cáo và được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289, Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của chị Lê Diễm H; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị H về việc chia tài sản chung chiếc xe Yamaha hiệu Exciter biển số 94H1-021.57.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Lê Diễm H; Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 78a/2025/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – C) về phần tài sản chung.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điều 217, 218, 227, 228, 244, 264, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 53, Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 4, Điều 6, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lâm Thành T với chị Lê Diễm H.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Lâm Tuyết Nghi, sinh ngày 02/7/2023 cho chị Lê Diễm H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nghi tròn 18 tuổi. Cháu Lâm Tuyết Nghi đang sống chung với chị H được giữ nguyên.

Anh Lâm Thành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lâm Thành T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng từ ngày 07/5/2025 cho đến khi cháu Nghi tròn 18 tuổi.

3. *Về tài sản chung*:

3.1. Chia cho anh Lâm Thành T được nhận sở hữu số tiền là 97.438.840 đồng. Buộc chị Lê Diễm H giao cho anh Lâm Thành Tsố tiền 97.438.840 đồng nêu trên.

3.2. Chia cho anh Lâm Thành T được sở hữu 01 xe máy Yamaha, nhãn hiệu Exciter, biển số 94H1-021.57, số khung RLCUG121PY115785, số máy G3M5E252143. Anh Tđang quản lý xe 94H1-021.57 được tiếp tục quản lý, sở hữu. Chị Lê Diễm H đang đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe ngày 20/9/2023 nên anh Lâm Thành T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

3.3. Chia cho chị Lê Diễm H số tiền 172.838.840 đồng. Chị H đang quản lý số tiền 172.838.840 đồng nên tiếp tục giao cho chị H được sở hữu, quản lý và sử dụng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Không chấp nhận yêu cầu của anh Lâm Thành T về việc chia tài sản chung đối với 20 chỉ vàng 18K và số tiền 55.000.000 đồng.

5. Về án phí:

5.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lâm Thành T và chị Lê Diễm H mỗi người phải chịu án phí đối với yêu cầu xin ly hôn là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

5.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Lâm Thành T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

5.3. Án phí dân sự có giá ngạch: Buộc Lâm Thành T và chị Lê Diễm H mỗi người phải nộp án phí chia tài sản chung là 9.621.942 đồng (Chín triệu sáu trăm hai mươi mốt ngàn chín trăm bốn mươi hai đồng).

Anh Lâm Thành T đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007029 ngày 09 tháng 10 năm 2024 và số tiền 8.842.000 đồng theo biên lai số 0007114 ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long (Nay là Phòng thi hành án Khu vực 9 – C) được đối trừ

chuyển thu án phí toàn bộ (9.142.000đ), buộc Anh Tcòn phải nộp tiếp số tiền 482.942 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – C.

5.4. Án phí phúc thẩm: Chị Lê Diễm H không phải nộp án phí phúc thẩm. Chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0003421 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh B (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – C) được hoàn lại toàn bộ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Cà Mau (01 bản);
- TAND Khu vực 9 – C (01 bản);
- Phòng THADS Khu vực 9 – C (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Nguyệt